

SAFETY JOGGER TACTICAL

Medium

MODULO DELTA 06 LOW

MDLODLTLOW

Giày c ổ thấp m ềi, **làm** tm mạ ừ **da** thật **và** ch ố n g thấm nư ớc **ngoài** ớ bằn g **cao su Tigergrip .**

Giày bảo h ộ lao độ n g MODULO DELTA SafetyJogger là giày bảo h ộ lao độ n g bằn g **da** b ề n bỉ, ch ố n g thấm nư ớc , đư ợc thiế tk ế g môi làm việ c khắc ng ệ t u i trện t v ề mặt không bằn g phẳn g và có đế ngoài t y cả trọng nhà r ẫn ngoài t

cho ữ **Giày có** bám **và** ng tin ậ

Những vật liệu cao cấp hơn	Da nguyên hạt xay
lót bên trong	3D mềm, thấ (100% tái chế)
trong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài	Đ BASF PU/Cao Su (NBR)
i	Loạ 06 / SR, SC, LG, FO, HI, HRO, CI, ESD
	Phạm vi kích thước EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t	thép 0.555 kg
	ẩn hóu chu EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024

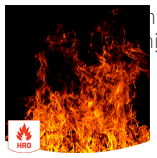


BLK

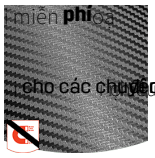
CO2 9.32 kg



Mặt **trên** bằng **da thoáng khí** Da tự nhiên [illegible] các ứng dụng linh hoạt



nhiệ Đ nhiệt nhiệ Đ được nhiệt độ cao lên đến 300°C.



miễn **phí** oà cho các chu [illegible] **Kim** l Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng [illegible] giày.



Chống nước **(WR)** Giày không thấm nước ngăn chất ẩn xâm nhập vào giày.



X ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa tia lửa do tích điện. [illegible] 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



hấp thụ **gót chân** Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân [illegible] mang. ười thể ng

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp n:

c ật thiế n thu

ường: **Môi** t

Bề mặt cự c mịn ờn, mội ẩm ư ớt

Cac hương dẫn ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẩ cáp hà nhiệ Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20347	ế t ả	ơn vị u	đo l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Da nguyên** hạt **xay** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm ớ ơ	? 0.8		2.71	ờ	mg/cm/g
	Top: h nụ số ơ	? 15		26		mg/cm2
ót bên trong	**m ái** L ố **(100% tái** ch ế)					
	L ớp **lót:** ấm ớ ơ	? 2		6.36	ờ	mg/cm/g
	lót: h nụ số ơ	? 20		51		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân Đ ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800		Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles		chu kỳ
goài Đ	**BASF PU/Cao Su (NBR)**					
	Ch ố n ảng ệ ế ngoài (	? 150		117		mm
	Chư ố ợ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** ề phía t	? 0.31		0.44		ma sát
	rư Cột ố ả - G ố m + NaLS - Trư ợt **lùi** ề phía t	? 0.36		0.42		ma sát
	rư Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19		0.29		ma sát
	Chư ố ợ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt ề phía t	? 0.22		0.32		ma sát
rị ch ố	Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000		28.4		megaohm
rị ESD	Giá t	0.1 - 100		33		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20		35		J

kích thước thép: 42

a chú Đ ệ ả ệ ệ nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không ợ ặ ả ướ dạng nào mà không ép bằng ă ủ

hân sinh thái:

Đ

	Sự miêu t ả	ế t ả	ơn vị u	đo l	Đ ờn g q
i **CO phát** thả					
	V ật l iệu		6.98		kg
	Bao bì		0.19		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
					9.32 kg CO2/ cặp

	Sự miêu t ả	ế t ả	K u	Đ q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		7%	
	Bao bì		16%	

Tính toán CO2:
rị đượ à tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng ác công cụ tính t ổ ế ả ổ ệ ệ ổ